TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 759/2018/DS-PT
Ngày: 20/8/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Cường;

Bà Phan Thị Út.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/6/2018, ngày 06/7/2018, ngày 20/7/2018, ngày 24/7/2018 và ngày 20/8/2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 184/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2271/2018/QĐPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4224/2018/QĐ-PT ngày 12/6/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5242/2018/QĐPT-DS ngày 06/7/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5870/2018/QĐPT-DS ngày 24/7/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Luật TNHH MTV K (tên cũ là Văn phòng luật sư K)

Địa chỉ: Số 153 H, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ni L – sinh năm 1992. (có mặt) (Theo Giấy ủy quyền ngày 08/9/2017)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Mỹ T – sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 79/48A7 Đ, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đinh Thanh M – sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Số 47/9E B, , huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền ngày 15/11/2017 tại Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông X – sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 37 Y, khu phố 4, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Mỹ T – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty Luật TNHH MTV K có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Ni L trình bày:***

Ngày 15/10/2014, Văn phòng luật sư K nay là Công ty Luật TNHH MTV K *(gọi tắt là Công ty)* ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 30/DS.TK.HCM *(BL 44-46, gọi tắt là Hợp đồng)* với bà Trần Thị Mỹ T.

Theo Điều 1 Hợp đồng trên, Công ty có nghĩa vụ thực hiện nội dung:

- Công ty tư vấn và giúp bên bà T tham gia giải quyết vụ kiện của bà T tại Tòa án nhân huyện O và Tòa án nhân dân tỉnh N, để yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà D và ông X lập ngày 10/02/2014, số công chứng 882, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 4, tỉnh N và hủy Thông báo cấp, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 861, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn O, tỉnh N từ bà D sang cho ông X;

- Công ty thay mặt bà T lập các thủ tục về thi hành án tại các cơ quan thi hành án thuộc tỉnh N, đồng thời Công ty thay mặt bà T nhận tiền hoặc tài sản từ cơ quan thi hành án (hoặc do đương sự nhận chuyển nhượng tài sản thi hành án), hoặc từ ông X, hoặc từ bà D.

Thực hiện quyền, nghĩa vụ theo Hợp đồng, Công ty đã cử luật sư tham gia hai phiên tòa:

- Phiên tòa thứ nhất: Tòa án nhân dân huyện O thụ lý hồ sơ số 421 ngày 07/10/2014, xét xử lại bản án dân sự sơ thẩm số 54 ngày 12/5/2016: hủy văn bản công chứng vô hiệu.

- Phiên tòa phúc thẩm: Sau bản án sơ thẩm bị kháng cáo, Công ty đã tiếp tục cử Luật sư tham gia phiên tòa phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh N. Tòa phúc thẩm thụ lý số 161 ngày 20/6/2016, xét xử tại bản án dân sự phúc thẩm số 214 ngày 19/8/2016: giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện O.

Như vậy, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, về việc Công ty tư vấn và giúp bên bà T tham gia giải quyết vụ kiện.

Trong quá trình Công ty làm thủ tục thi hành án dân sự đối với bản án có hiệu lực pháp luật và tham gia quá trình thi hành án, theo thỏa thuận của hợp đồng; tuy nhiên bà T đã đơn phương rút yêu cầu thi hành án vào lúc 10 giờ 15 phút ngày 04/11/2016 tại Chi cục thi hành án huyện O, với lý do: bà T đã tự thỏa thuận giải quyết với bên bà D, ông X. Vì lý do này, Chi cục thi hành án huyện O đã ra Quyết định đình chỉ thi hành án số 06 ngày 04/11/2016.

Khi Công ty phát hiện sự việc trên đã liên hệ với bà T để thanh lý hợp đồng, nhưng bà T luôn trốn tránh, không làm việc và cũng không thanh toán bất cứ khoản chi phí nào cho Công ty, gây thiệt hại cho Công ty. Việc bà T đơn phương thỏa thuận rút yêu cầu thi hành án vì đã tự thỏa thuận với bà D, ông X nhưng không thông báo cho Công ty biết đã vi phạm Điều 5 Hợp đồng. Do đó, Công ty yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Mỹ T bồi thường số tiền 120.000.000 đồng theo nội dung Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 30/DS-TK.HCM ngày 15/10/2014.

**** Bị đơn bà Trần Thị Mỹ T có người đại diện theo ủy quyền ông Đinh Thanh M trình bày:***

Phía bị đơn xác nhận có ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 30/DS-TK.HCM ngày 15/10/2014 với Văn phòng luật sư K nay là Công ty Luật TNHH MTV K.

Trong giai đoạn thực hiện hợp đồng, bên Công ty đã làm không đúng với Điều 2, 3, 5 của hợp đồng, cụ thể là không cử người ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm và thiếu trách nhiệm thi hành án để cho bà T tự thực hiện. Công ty tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không thông báo cho bên bà T biết. Hiện nay bà T vẫn chưa lấy được tiền của bà D do đó Công ty không có căn cứ chứng minh để yêu cầu bà T trích 40% trong hợp đồng là không có cơ sở chấp nhận. Đồng thời bên phía Công ty vi phạm hợp đồng do tại thời điểm ký kết hợp đồng thì Công ty chịu trách nhiệm về toàn bộ vấn đề tham gia tố tụng và thi hành án, trong khi thực tế bà T là người trực tiếp ký tên và làm việc với cơ quan thi hành án.

Nguyên đơn yêu cầu buộc bà T thanh toán 120.000.000 đồng, bên bị đơn không vi phạm hợp đồng nên không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông X*** vắng mặt, không có yêu cầu độc lập.

**** Tại bản án số 71/2018/DS-ST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:***

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 96; Điều 189; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 233 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 388, Điều 401, Điều 402 Bộ luật dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng tiểu mục 1.3.b Mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty luật TNHH MTV K đối với bị đơn bà Trần Thị Mỹ T về việc yêu cầu bà Trần Thị Mỹ T phải bồi thường hợp đồng dịch vụ pháp lý cho Công ty luật TNHH MTV K, theo Điều 5 nội dung Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 30/DS-TK.HCM ngày 15/10/2014 giữa Văn phòng luật sư K ký với bà Trần Thị Mỹ T.

1.1. Buộc bà Trần Thị Mỹ T bồi thường cho Công ty luật TNHH MTV K, số tiền tổng cộng là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày Công ty luật TNHH MTV K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Mỹ T chậm thanh toán khoản tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) nêu trên, thì hàng tháng bà Trần Thị Mỹ T còn phải trả lãi cho Công ty luật TNHH MTV K đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty luật TNHH MTV K không phải chịu án phí dân sự, Công ty luật TNHH MTV K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0028301 ngày 30/10/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Bà Trần Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự tổng cộng số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), bà Trần Thị Mỹ T phải nộp tiếp tiền án phí dân 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 09/3/2018, bị đơn bà Trần Thị Mỹ T nộp đơn kháng cáo đề ngày 08/3/2018, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn đồng thời là người kháng cáo bà Trần Thị Mỹ T có người đại diện theo ủy quyền ông Đinh Thanh M trình bày: Thứ nhất, Tòa cấp sơ thẩm cho rằng phía bà T đơn phương chấm dứt hợp đồng là vi phạm phải bồi thường 120.000.000 đồng theo Điều 5 Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 30/DS.TK.HCM ngày 15/10/2014. Bên phía nguyên đơn cũng vi phạm hợp đồng nhưng Tòa cấp sơ thẩm không xem xét, cụ thể Công ty không xuất trình bất cứ văn bản nào thông báo cho bà T biết tiến trình vụ việc theo Điều 2, Điều 3 Hợp đồng. Thứ hai, Tòa cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng khi bỏ sót người tham gia tố tụng trong

giai đoạn thụ lý và giải quyết vụ án, không triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D vào tham gia tố tụng do ông X là chồng bà D có đăng ký kết hôn cũng có liên quan đến vụ án tỉnh N mà Công ty ký kết hợp đồng với bà T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Nguyên đơn Công ty Luật TNHH MTV K có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ni L trình bày: Công ty ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 30/DS.TK.HCM ngày 15/10/2014 với bà Trần Thị Mỹ T là đúng với quy định pháp luật, đồng thời đã thực hiện đúng nghĩa vụ và tuân thủ đúng cam kết trong Hợp đồng. Mặc dù Hợp đồng còn hiệu lực, hai bên chưa thanh lý nhưng trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà T đơn phương thỏa thuận rút yêu cầu thi hành án vì đã tự thỏa thuận với bà D, ông X nhưng không thông báo cho Công ty biết đã vi phạm Điều 5 Hợp đồng. Do đó, Công ty yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Mỹ T bồi thường số tiền 120.000.000 đồng theo nội dung Hợp đồng trên. Theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 416/2015/QĐST-VDS ngày 28/8/2015 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh "Tuyên bố bà D, sinh năm 1986, nơi cư trú cuối cùng: 37 Nguyễn Triệu Luật, Khu phố 4, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mất tích". Vì vậy, Công ty không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, y án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông X vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không rõ lý do, được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung vụ án đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Mỹ T trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông X được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần hai không rõ lý do, căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông X.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Theo các đương sự trình bày vào ngày 15/10/2014, Văn phòng luật sư K nay là Công ty Luật TNHH MTV K ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 30/DS.TK.HCM *(BL 44-46)* với bà Trần Thị Mỹ T. Với nội dung: Công ty tư vấn và giúp bên bà T tham gia giải quyết vụ kiện của bà T tại Tòa án nhân huyện O và Tòa án nhân dân tỉnh N, để yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà D và ông X lập ngày 10/02/2014, số công chứng 882, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 4, tỉnh N và hủy Thông báo cấp, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 861, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn O, tỉnh N từ bà D sang cho ông X; Công ty thay mặt bà T lập các thủ tục về thi hành án tại các cơ quan thi hành án thuộc tỉnh N, đồng thời Công ty thay mặt bà T nhận tiền hoặc tài sản từ cơ quan thi hành án (hoặc do đương sự nhận chuyển nhượng tài sản thi hành án), hoặc từ ông X, hoặc từ bà D. Công ty đã cử luật sư tham gia phiên tòa sơ thẩm tại Tòa án nhân dân huyện O và phiên tòa phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh N. Sau khi có hai bản án dân sự sơ và phúc thẩm, Công ty tiếp tục thực hiện theo nội dung Hợp đồng về phần thi hành án. Công ty đã làm các thủ tục thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện O, tỉnh N để yêu cầu thi hành hai bản án sơ và phúc thẩm trên.

Xét thấy, về mặt hình thức: Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 30/DS.TK.HCM là hợp đồng dịch vụ được xác lập bằng văn bản, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của hai bên tham gia giao kết, không bị ép buộc hoặc nhằm che dấu cho hành vi nào khác; Về mặt chủ thể: Hợp đồng dịch vụ trên được giao kết giữa nguyên đơn Văn phòng luật sư K nay là Công ty Luật TNHH MTV K với bị đơn bà Trần Thị Mỹ T. Công ty do ông Sin K là người đại diện theo pháp luật, có đủ năng lực hành vi dân sự để giao kết và thực hiện hợp đồng, Văn phòng luật sư K *(gọi tắt là Văn phòng)* có giấy đăng ký hoạt động văn phòng luật sư số 41.01.0562/TP/ĐKHĐ cấp lần 1 ngày 14/8/2007, cấp lần 2 ngày 27/01/2015, sau đó Văn phòng đổi tên là Công ty Luật TNHH MTV K theo Giấy đăng ký hoạt động số 41.02.0562/TP/ĐKHĐ ngày cấp lần đầu 18/01/2017; Về nội dung: hai hợp đồng dịch vụ nói trên thể hiện đủ các nội dung của hợp đồng dân sự theo quy định tại Điều 402 Bộ luật dân sự năm 2005; Về thực hiện hợp đồng: căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thì sau khi ký kết hai bên đã cùng nhau thực hiện cho đến khi xảy ra tranh chấp như đã nhận định trên. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định tại Điều 401, Điều 402, Điều 518, Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên đây là hợp đồng hợp pháp và có giá trị pháp lý.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Mỹ T cho rằng Công ty thực hiện không đúng với quy trình của Hợp đồng, cụ thể không cử người đại diện ủy quyền trong giai đoạn giải quyết tham gia tố tụng và thiếu trách nhiệm trong việc thi hành án để cho bà T tự thực hiện. Theo Điều 1 Hợp đồng, Công ty đã cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp để tham gia tố tụng, thể hiện trong hai bản án: bản án dân sự sơ thẩm số 54 ngày 12/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện O và bản án dân sự phúc thẩm số 214 ngày 19/8/2016 tại Tòa án nhân dân tỉnh N là đúng thỏa thuận giữa hai bên. Sau khi hai bản án có hiệu lực, bên nguyên

đơn hay bị đơn ký đơn yêu cầu thi hành án không làm thay đổi bản chất bản án, không làm thay đổi nội dung thỏa thuận giữa hai bên vì thực tế việc yêu cầu thi hành án đã được thực hiện đúng trình tự. Tại thời điểm này bên Công ty chưa nhận bất cứ khoản thù lao nào, đồng thời bà T khẳng định chưa làm thủ tục ủy quyền thi hành án cho Công ty nên về mặt pháp lý, Công ty không thể làm thay thủ tục thi hành án cho bà T. Tuy nhiên, bà T đã đơn phương viết Đơn không yêu cầu thi hành án ngày 04/11/2016, với lý do đã thỏa thuận được với bà D, ông X, do vậy bà T đã vi phạm thỏa thuận giữa hai bên tại Điều 2, Điều 5 Hợp đồng.

Về yêu cầu kháng cáo Tòa cấp sơ thẩm không triệu tập bà D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại cấp sơ thẩm mặc dù bị đơn đề nghị đưa bà D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy nhiên bà D đã mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 416/2015/QĐST-VDS ngày 28/8/2015 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án này vào ngày 01/11/2017 nên việc không chấp nhận đưa bà D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, không ảnh hưởng đến bản chất vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích các đương sự. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không kháng nghị, do đó căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật dân sự năm 2015, các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị nên vẫn giữ nguyên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Mỹ T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 293; khoản 3 Điều 296; Điều 306, Khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 401, 402, 518, 519, 520 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Mỹ T trong hạn luật định được chấp nhận.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Mỹ T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Văn phòng luật sư K nay là Công ty Luật TNHH MTV K đối với bị đơn bà Trần Thị Mỹ T về việc yêu cầu bà Trần Thị Mỹ T phải bồi thường hợp đồng dịch vụ pháp lý cho Công ty Luật TNHH MTV K, theo Điều 5 nội dung Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 30/DS-TK.HCM ngày 15/10/2014 giữa Văn phòng luật sư K nay là Công ty Luật TNHH MTV K ký với bà Trần Thị Mỹ T.

2. Buộc bà Trần Thị Mỹ T bồi thường cho Công ty Luật TNHH MTV K, số tiền tổng cộng là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Công ty Luật TNHH MTV K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Mỹ T chậm thanh toán khoản tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) nêu trên, thì hàng tháng bà Trần Thị Mỹ T còn phải trả lãi cho Công ty Luật TNHH MTV K đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Luật TNHH MTV K không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả lại cho Công ty Luật TNHH MTV K số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0028301 ngày 30/10/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự tổng cộng số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Mỹ T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0028869 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**** Nơi nhận:***
- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận 6;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Hiền